

Bản án số: 11/2024/HNGĐ – ST.

Ngày: 07/5/2024

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Ngọc Trọng  
Ông Nguyễn Việt Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - SN 1997 “Vắng mặt”

Địa chỉ : KP V, phường Q, Thành phố S ,tỉnh Thanh Hóa.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu N - SN 1994 “ Vắng mặt”

Địa chỉ : TDP N, phường T, Thành phố S ,tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp,

quan điểm sống khác nhau dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Nguyễn Thị Trâm A1, sinh ngày 05/10/2017. Từ khi hai vợ chồng ly thân cháu Quỳnh A sống với bố, còn cháu Trâm A1 sống với mẹ. Hiện nay hai vợ chồng chị đều có công việc và thu nhập ổn định. Nên ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu Trâm A1 và đề nghị giao cháu Quỳnh A cho anh N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản trình bày nguyện vọng cháu Quỳnh A (là con chị T, anh N), cháu có nguyện vọng sống với bố.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu N theo quy định của pháp luật nhưng anh N không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, anh N để tham gia phiên tòa nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xử vắng mặt chị T, anh N là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Do vậy Tòa án thành phố S thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt chị T, anh N là đúng quy định.

**[2] Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị T khai vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: quá trình anh chị chung sống với nhau mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ, chỉ biết rằng hiện nay chị T đã chuyển ra ngoài sống, anh N vẫn sống tại địa phương

Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N lên Tòa án giải quyết nhưng anh N đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T tha thiết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị cũng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, nếu có về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp.

**[3] Về con:** Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Nguyễn Thị Trâm A1, sinh ngày 05/10/2017. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Trâm A1 ở với chị T, cháu Quỳnh A ở với anh N. Chị T và anh N vẫn nuôi dạy các cháu đảm bảo về mọi mặt. Hiện nay chị T và anh N đều có công việc và thu nhập ổn định. Hơn nữa cháu Trâm A1 còn nhỏ nên cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Do đó giao cháu Trâm A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quỳnh A cho anh N nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

**[4] Về tài sản, công nợ:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

**Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N

**Về con:** Công nhận cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Nguyễn Thị Trâm A1, sinh ngày 05/10/2017 là con chung của chị T và anh N.

Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Trâm A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

**Về tài sản, công nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Án phí:** Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số 0004793 ngày 01/3/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Sầm Sơn (chị T đã nộp đủ án phí).

Chị T, Anh N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- VKSND TPSS;
- THA- TPSS;
- UBND phường T, TPSS;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị L**